|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số 63** | **Tên Dự án** | **SỐ 63. Dự án nông nghiệp công nghệ cao Sa Thầy** |
|  | Mục tiêu Dự án | Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, cơ sở hạ tầng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao |
|  | Hình thức đầu tư | Nguồn vốn huy động đầu tư theo hình thức thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, xã hội hoá (PPP, BOT, BTO,...), các nguồn vốn hợp pháp khác và hỗ trợ của Nhà nước từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương (nếu có). |
|  | Quy mô dự án | Tổng vốn đầu tư dự kiến: 100 tỷ đồng |
| Quy mô: 50-100 ha |
| Nhu cầu sử dụng lao động: Ưu tiên sử dụng lao động địa phương tại chỗ |
|  | Thời hạn hoạt động dự án | 50 năm |
|  | Mong muốn đối với nhà đầu tư | Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, quá trình xây dựng, phải bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định khác của pháp luật; triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ. |
|  | Căn cứ pháp lý thực hiện dự án | Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 30/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị Quyết số 39/2017-HĐND, ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI kỳ họp thứ 2 về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Căn cứ Nghị quyết 07/2019-HĐND, ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI kỳ họp thứ 2 về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1261/QĐ/UBND, ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về Ban hành Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016; Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện 03 lĩnh vực đột phá phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kon Tum… |
|  | Địa điểm dự án | Tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện | *Sơ đồ trích lục vị trí dự án* |
|  | Cơ sở hạ tầng tại khu vực dự án | *Đất đai* | Hơn 50-100 ha diện tích đất nông nghiệp |
| *Hạ tầng giao thông* | Các tuyến giao thông huyết mạch như: Đường từ huyện đi Sê San 3, từ Sê San 3 đi Quốc lộ 14c, đường 675 đi Quốc lộ 14c, đường Tỉnh lộ 674 và các đường liên thôn, liên xã đã được đầu tư cơ bản, thông suốt 2 mùa. Các tuyến này đã tạo hệ thống giao thông khép kín kết nối với tuyến Quốc lộ của tỉnh |
| *Thông tin liên lạc* | Hệ thống mạng lưới thông tin vô tuyến được phủ sóng |
| *Cấp điện* | Hệ thống điện lưới quốc gia |
| *Cấp nước* | Sử dụng nguồn nước các sông, suối, nước ngầm |
| *Xử lý chất thải/ nước thải* | Trong quá trình thực hiện dự án thu gom và xử lý rác thải theo quy định. |
|  | Chính sách ưu đãi đầu tư đối với dự án | *Thuê đất, thuê mặt nước* | Theo quy định hiện hành.- Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất thuê mặt nước.- Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ ưu đãi về đầu tư tại.- Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ ưu đại về thuế TNDN.- Nghị quyết 64/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.- Quyết định 414/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh và Quyết định 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng chính phủ ưu đãi về chính sách hỗ khởi nghiệp. |
| *Thuế* |
| *Ưu đãi khác* |
|  | Thị trường tiêu thụ sản phẩm /dịch vụ | Trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu |
|  | Khả năng cung ứng lao động cho dự án | 1.000 lao động |
|  | Những thuận lợi và khó khăn của dự án | - Thuận lợi: Đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vị trí đất đai màu mỡ, thuận tiện giao thông, gần nguồn điện nước, chủ động được nguồn lao động tại chỗ.- Khó khăn: Cơ sở hạ tầng còn khó khăn, cần phải đầu tư nâng cấp đường giao thông, đường điện từ khu dân cư đến khu sản xuất; phải bố trí vốn để bồi thường giải phóng mặt bằng  |
|  | Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án | - Việc sử dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật về giống, áp dụng quy trình công nghệ canh tác tiên tiến từ đó năng suất cây trồng, vật nuôi và thủy sản tăng lên, tăng tỷ trọng của ngành nông – lâm - thủy sản, góp phần phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Chất lượng sản phẩm nông sản đảm bảo, làm tăng giá trị sản phẩm. - Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC làm gia tăng giá trị sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ sản xuất, cải thiện đời sống cho người lao động, góp phần tích cực vào chương trình xây dựng nông thôn mới. |
|  | Địa chỉ liên hệ | UBND huyện Sa Thầy hoặc UBND các xã: Sa Nghĩa, Sa Bình, Sa Sơn, Sa Nhơn, Ya Ly, Ya Xiêr, Ya Tăng, Rờ Kơi, Mô Rai, Hơ Moong và thị trấn Sa Thầy |